

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/1/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+TD2+BK16	7:25	8+14+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	chuyen 3 bk9- td2, 1 bk9- bk16
2		RP3+RC4+RP1	7:25	16+2+4	0+0+0		12+1+9	0+0+0	
3		TD5+TD2+SAVR ↖	9:25	2+7+11	0+0+0		0+9+12	0+0+0	chuyen 1 td5- td2
4		P6+RP2+SAVR	9:25	7+8+5	0+0+0		0+9+11	0+0+0	
5		P1+BK6+RP3	11:25	7+0+14	0+0+0		5+1+14	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người Rp1 về đi RP3;2/6 người CTC1 về bờ qua AVRORA



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2024	TO: BK9 - TD2 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG DINH VINH	BK9	86	1	8			67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN HUY ANH	BK9	87	1	10	1	17	92	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC ĐOAI	BK9	82-83	2	16	1	19	61	XAY LAP	Vietnamese
4	PHUNG VAN DIEN	BK9	84-85	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
5	VU VAN TRUNG	BK9	89	1	10	1	15	73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN PHU	BK9	91	1	10	1	16	76	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN VIET	BK9	79	1	10	1	13	67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN QUOC THIEN	BK9	81	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
9	VANEEV DMITRIY	TD2	29	1	11			106	KHOAN	Russian
10	GROMOV SERGEY	TD2	32	1	6			82	KHOAN	Russian
11	NGUYEN MANH HOAN	TD2	25	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
12	BUI HUU HONG	TD2	37	1	3			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	31	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN BAC	TD2						80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH BINH	TD2	30	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRUNG THO	TD2						69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TUNG	TD2	24	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN MINH HIEU	TD2	35-36	2	12			73	KHOAN	Vietnamese
19	LE XUAN THUONG	TD2	33-34	2	9			63	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN NGUYEN BAO MINH	TD2	28	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
21	TRINH HONG SON	TD2	27	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN THANG	TD2	26	1	6			83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	8	575	10	94	5	80	0	4	CHUYEN 3 PAX BK9-TD2,1 PAX BK9-BK16
2	TD2	14	1.064	14	82	0	0	18		
3	BK16	0	0	0	0	1	5	4		
TOTAL		22	1.639	24	176	6	85	22		
WEIGHT KG			1.639		176		85			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2024	TO: RP3 - RC4 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KHÔNG TIỀN DỪNG	RP3	68-69	2	17	5	90	79	KHI	Vietnamese
2	PHAN ANH KHANG	RP3	66-67	2	17			63	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN HIỆP THỌ	RP3	63-64	2	20	1	8	69	DUY LINH	Vietnamese
4	PHAN NANG KHOA	RP3	55-56	2	19			58	DUY LINH	Vietnamese
5	PHẠM HUY TÂN	RP3	51-52	2	11			54	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIỆU	RP3	53-54	2	13			68	DUY LINH	Vietnamese
7	ĐẶNG THAI SON	RP3	49-50	2	14			64	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN LONG	RP3	62	1	16			62	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HỘI	RP3	60	1	14			59	DUY LINH	Vietnamese
10	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	61	1	4			67	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	58	1	5			78	PSV	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN TRỌNG	RP3	47	1	7			92	PSV	Vietnamese
13	NGO VĂN GIAO	RP3	65	1	8			91	PSV	Vietnamese
14	TRẦN BA MẬU	RP3	57	1	5			68	PSV	Vietnamese
15	VŨ HỒNG QUANG	RP3	59	1	5			74	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	48	1	6			77	PSV	Vietnamese
17	HUYNH XUAN TRUONG	RC4	44	1	9			79	D-HANH	Vietnamese
18	HA QUOC VINH	RP1	97	1	4	1	6	71	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN KHANH CHÂN	RP1	31	1	4			58	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUY	RP1	32	1	9			74	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUAN HUAN	RP1	96	1	3			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	16	1.123	23	181	6	98	12		
2	RC4	1	79	1	9	0	0	1		
3	RP1	4	275	4	20	1	6	9		
TOTAL		21	1.477	28	210	7	104	22		
WEIGHT KG			1.477		210		104			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2024	TO: TD5 - TD2 - SAVR	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG NHẬT TOÀN	TD5	76-78	3	19	1	6	65	VINH NAM	Vietnamese
2	ĐẶNG THANH HIẾU	TD5	74-75	2	18			104	VINH NAM	Vietnamese
3	TÔ TUẤN DUY	TD2	38	1	16	1	22	108	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	42-43	2	13			72	KHOAN	Vietnamese
5	PHẦN ĐỖ CHÂU TUẤN	TD2	08	1	15			104	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN BA ĐỨC	TD2	44-45	2	17	2	10	81	DVL	Vietnamese
7	VÕ THANH NHẬT	TD2	40	1	6			79	PSV	Vietnamese
8	LÊ VĂN GIÁP	TD2	39	1	4			67	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	TD2	41	1	11			57	PSV	Vietnamese
10	FIROV DENIS	SAVR	47-48	2	18	1	6	122	AMNGR	Russian
11	DOMKIN EVGENII	SAVR	46	1	10			93	AMNGR	Russian
12	TREPSHIN DMITRY	SAVR	44-45	2	18			86	AMNGR	Russian
13	BOZHENOV ANTON	SAVR	49-50	2	20			88	AMNGR	Russian
14	BUI ANH TÚ	SAVR	51-52	2	17			71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC DANH	SAVR	53-54	2	14			76	PV DRILLIN	Vietnamese
16	PHẠM TÂN QUANG	SAVR	55-56	2	15			72	HONG HA	Vietnamese
17	LÊ VĂN HIEN	SAVR	43	1	8			72	PSV	Vietnamese
18	LÊ MINH PHÁT	SAVR	41-42	2	12			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	2	169	5	37	1	6	0	1	CHUYEN 1 PAX TD5-TD2
2	TD2	7	568	9	82	3	32	9		
3	SAVR	9	737	16	132	1	6	12		
TOTAL		18	1.474	30	251	5	44	21		
WEIGHT KG			1.474		251		44			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2024	TO: P6 - RP2 - SAVR	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HÙNG - SƠN - DTÙNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI NGOC LAM	P6	17	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
2	VO VAN HUNG	P6	14	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN PHUOC	P6	15	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
4	KHUAT QUANG KIEN	P6	18-19	2	12			68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HAO	P6	20-21	2	15			84	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM DINH THUYET	P6	12-13	2	25			79	KHOAN	Vietnamese
7	LE TIEN DUNG	P6	16	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN BA LUONG	RP2						68	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUOC TUAN	RP2						65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HUNG	RP2	99	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN TUAN LONG	RP2	97-98	2	7			66	KHOAN	Vietnamese
12	KHALIMOV A.A	RP2	01	1	5			85	KH-THAC	Russian
13	ZAKLADNYI R.	RP2	200	1	13			104	ANTOAN	Russian
14	NGUYEN TRUNG ĐỨC	RP2	02-03	2	9			65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	RP2	95-96	2	11			96	DK9	Vietnamese
16	HO TRONG TAN	SAVR	28	1	4			84	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUY KHIEM	SAVR	30	1	10	2	24	75	D-HANH	Vietnamese
18	PHẠM HỮU HUÂN	SAVR	29	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
19	DUDII MIKHAIL	SAVR	26-27	2	16			74	AMNGR	Russian
20	MIRSAIAPOV R.	SAVR	25	1	9			101	KH-THAC	Russian
21	NGUYEN VAN HUY	SAVR	33-34	2	14			70	HONG HA	Vietnamese
22	LE VAN TUAN	SAVR	35-36	2	10			67	HONG HA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	7	510	10	88	0	0	0		
2	RP2	8	619	9	50	0	0	9		
3	SAVR	7	535	10	74	2	24	11		
TOTAL		22	1.664	29	212	2	24	20		
WEIGHT KG			1.664		212		24			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2024	TO: P1 - BK6 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN BA SON	P1	05-06	2	20	3	60	65	XAYLAP	Vietnamese
2	VU QUOC KHAI	P1	03-04	2	12			68	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM MINH TUAN	RP3	07	1	10			65	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN HIEU	RP3	16	1	4			57	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN THANH MINH	RP3	14	1	6			58	PSV	Vietnamese
6	DOAN TUAN ANH	RP3	06	1	8			63	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUY	RP3	03	1	9			60	PSV	Vietnamese
8	LE VAN QUYEN	RP3	11	1	5			59	PSV	Vietnamese
9	LUU VAN BINH	RP3	15	1	15			81	DUY LINH	Vietnamese
10	VU NGOC TUAN	RP3	12-13	2	12			63	DUY LINH	Vietnamese
11	NGUYEN TAN VUONG	RP3	01-02	2	12			73	DUY LINH	Vietnamese
12	VO VAN HAI	RP3	08-10	3	18			72	DUY LINH	Vietnamese
13	TRAN THANH TUONG	RP3	05	1	14			62	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYEN LE SON	RP3	17-18	2	12			64	DUY LINH	Vietnamese
15	TRAN TRUNG HIEU	RP3	04	1	11	2	60	70	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	RP3	24	1	7	3	20	79	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	2	133	4	32	3	60	5		
2	BK6	0	0	0	0	1	20	1		
3	RP3	14	926	19	143	5	80	14		
TOTAL		16	1.059	23	175	9	160	20		
WEIGHT KG			1.059		175		160			

GRAND TOAL: 1.394 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+VSP01+VSP02	7:25	21+0+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	chuyen 2 vsp01-vsp02
2		AMD+P8+BK21	7:25	22+0+0	0+0+0		10+12+0	0+0+0	chuyen 1 p8- bk21
3		CTK3+BK10+CLO	7:25	21+0+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
4		P10+P9+BK5	9:25	6+4+5	0+0+0		6+4+6	0+0+0	
5		BK14+PPD	9:25	9+8	0+0		4+17	0+0	
6		P11+P4+HST	9:25	14+0+3	0+0+0		1+4+3	0+0+0	
7		T.UNG	10:30	16	0		19	0	
8		AMD+TGTH1+HSD	11:30	10+4+4	0+0+0		6+3+3	0+0+0	chuyen 5 amd- hsdchuyen 1 h1-hsd

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: PPD - VSP01 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	17-18	2	18			65	KHI	Vietnamese
2	HOANG MINH TRI	PPD	19	1	10	1	15	78	KHI	Vietnamese
3	TRINH VAN NHA	PPD	21,24	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET TIEN	PPD	05-06	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	PPD						73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CAO CUONG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SON	PPD	25	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VAN DAO	PPD	07	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	22-23	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG VAN NINH	PPD						74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BAC	PPD	28-29	2	17			60	KH-THAC	Vietnamese
12	VU CHI KIEN	PPD	04	1	3	2	23	79	KH-THAC	Vietnamese
13	BIEN MINH SON	PPD	11	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SINH	PPD	26	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	12-13	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CONG DUNG	PPD	14-15	2	16			64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH TRI	PPD	10	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TUNG DUONG	PPD	27	1	9			59	ANTOAN	Vietnamese
19	LUU QUY TRUNG	PPD	08	1	6			72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN DINH AN	PPD	09	1	4			57	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LINH	PPD	16	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	21	1.458	25	159	3	38	20		
2	VSP01	0	0	0	0	0	0	04	2	CHUYEN 02 PAX TU VSP01 SANG VSP02
3	VSP02	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	1.458	25	159	3	38	20		
WEIGHT KG			1.458		159		38			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: AMD - P8 - BK21	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀNG PHÚC PHI	AMD	25-26	2	13			69	HA VIET	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUÂN	AMD	48	1	9			70	HA VIET	Vietnamese
3	PHẠM HỮU CUÔNG	AMD	37	1	12			72	HA VIET	Vietnamese
4	NGO SY KHOI	AMD	41	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LÂM	AMD	31	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	22-23	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	35	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	32-33	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRI TRUNG	AMD	36	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯƠNG THẾ KHAI	AMD	40	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUỐC HUY	AMD	38-39	2	13			85	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TRƯỞNG	AMD	34	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH TÂN	AMD	47	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	24	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH	AMD	27-28	2	12			70	PHATECO	Vietnamese
16	LUƠNG CAO DŨNG	AMD	29-30	2	14			76	PHATECO	Vietnamese
17	TRẦN VĂN GIANG	AMD	20-21	2	10			65	PHATECO	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC THỤ	AMD	46	1	11			75	PHATECO	Vietnamese
19	VÕ NGỌC PHU	AMD	42	1	12			68	PHATECO	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BẾN	AMD	44	1	10			64	PHATECO	Vietnamese
21	HUỲNH MINH SANG	AMD	43	1	11			78	PHATECO	Vietnamese
22	GIANG THANH PHƯƠNG	AMD	45	1	8			62	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	22	1.541	29	208	0	0	10		
2	P8	0	0	0	0	2	20	12		CHUYEN 1 PAX P8-BK21 XIN NGOI GHE PHU
3	BK21	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.541	29	208	2	20	22		
WEIGHT KG			1.541		208		20			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: CTK3 - BK10 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHẮNG - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1		- MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	CTK3	90	1	7			110	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	88-89	2	14			76	YTE	Vietnamese
3	MAI THANH TRUNG	CTK3	71	1	13			61	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRỊNH VĂN PHÂN	CTK3	91-92	2	11			52	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG THANH	CTK3	93-94	2	8			69	NAM TIEN	Vietnamese
6	BUI VĂN TUÂN	CTK3	86	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH LONG	CTK3	10	1	8	5	100	68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM TRƯỞNG GIANG	CTK3	893	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
9	VU CÔNG DANH	CTK3	06	1	11			71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	08	1	7			75	PSV	Vietnamese
11	ĐO VĂN KHANH	CTK3	95	1	3			76	PSV	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	96-97	2	10			80	PSV	Vietnamese
13	HOANG VĂN BẠC	CTK3						69	PSV	Vietnamese
14	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	09	1	5			68	PSV	Vietnamese
15	TRẦN HÙNG ANH	CTK3	70	1	5			69	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG TUNG	CTK3	07	1	6			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	700	1	9			76	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HOANG	CTK3	98	1	5			73	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TIẾN	CTK3	87	1	4			65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG DUÂN	CTK3	99	1	5			55	PSV	Vietnamese
21	DAO VĂN YEN	CLO	26	1	11	2	13	63	DVLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	20	1.413	23	152	5	100	14		
2	BK10	0	0	0	0	2	30	4		
3	CLO	1	63	1	11	2	13	4		
TOTAL		21	1.476	24	163	9	143	22		
WEIGHT KG			1.476		163		143			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: P10 - P9 - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HỒ NGỌC THANH	P10	67	1	9			58	PSV	Vietnamese
2	HA VAN THIEN	P10	64	1	5			75	PSV	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN LƯU	P10	65	1	5			53	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH QUANG	P10	66	1	4			61	PSV	Vietnamese
5	LÊ VĂN ĐỨC	P10	69	1	8			58	PSV	Vietnamese
6	LÔ TRƯỜNG GIANG	P10	68	1	5			82	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P9	80	1	10	5	100	73	PSV	Vietnamese
8	BUI VĂN QUÂN (1987)	P9	72	1	4			66	PSV	Vietnamese
9	LÊ VĂN VIỆT	P9	28	1	4			82	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN PHẠM TUÂN ANH	P9	29	1	4			59	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUNG	BK5	07-08	2	13			56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	BK5	11	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO QUANG PHÚC	BK5	13,06	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC NGÂN	BK5	12	1	14	2	17	60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	6	387	6	36	0	0	6		
2	P9	4	280	4	22	5	100	4		
3	BK5	4	252	6	60	2	17	6		
TOTAL		14	919	16	118	7	117	16		
WEIGHT KG			919		118		117			

GRAND TOAL: 1.154 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: BK14 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUNG DUNG	BK14	62	1	16			73	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NAM	BK14	45-46	2	20			69	DVL	Vietnamese
3	TRAN VAN HIỆP	BK14	57	1	15			72	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN ĐỨC	BK14	38	1	12			89	XAYLAP	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN QUÂN	BK14	40	1	11			69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CỎ THẠCH	BK14	41	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI VĂN LINH	BK14	39	1	8			83	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG ĐÌNH VINH	BK14	37	1	17			66	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHÚ	BK14	43-44	2	10			60	DK9	Vietnamese
10	HOANG VAN DOANH	PPD	49	1	5			67	PSV	Vietnamese
11	TẠ QUANG PHỤC	PPD	51	1	4			106	PSV	Vietnamese
12	LY CHUYỀN CHIÊU	PPD	54	1	5			101	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN THUẬT	PPD	50	1	8			80	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN TỌ	PPD	01	1	4			55	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	PPD	55	1	6			60	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	PPD	52	1	4			50	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN HUNG	PPD	53	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	9	657	11	121	0	0	4		
2	PPD	8	581	8	41	0	0	17		
TOTAL		17	1.238	19	162	0	0	21		
WEIGHT KG			1.238		162		0			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2024	TO: P11 - P4 - HST	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHẮNG - HTNAM	ETA: 11:50
TRANG-2		- MQUAN	

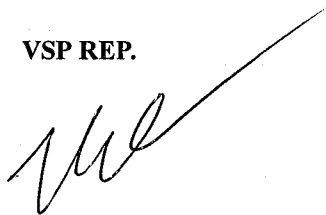
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TUẤN VŨ	P11	100	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VINH QUANG	P11	701	1	10			71	NAM TIEN	Vietnamese
3	VŨ VĂN THƯỢNG	P11	67	1	9			64	NAM TIEN	Vietnamese
4	BUI CHI LINH	P11	70	1	12			62	NAM TIEN	Vietnamese
5	PHẠM HOANG CHAU	P11	61	1	6			64	NAM TIEN	Vietnamese
6	LƯU NGUYỄN NHẬT DUY	P11	62	1	10			83	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUYNH	P11	01	1	6	3	50	67	NAM TIEN	Vietnamese
8	TẠ VĂN TIN	P11	63-64	2	13			67	NAM TIEN	Vietnamese
9	CAO MINH CHIỀU	P11	68-69	2	9			70	NAM TIEN	Vietnamese
10	HÀ HUYNH XUAN CUONG	P11	66	1	8			63	NAM TIEN	Vietnamese
11	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	P11	60	1	17			79	NAM TIEN	Vietnamese
12	LÊ VĂN LAM	P11	65	1	6			54	NAM TIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUẤN	P11	02	1	5			61	NAM TIEN	Vietnamese
14	LÊ VĂN TIEN	P11	99	1	5			57	NAM TIEN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN HIEU	HST	39-40	2	16			90	TLJOC	Vietnamese
16	PHẠM TUAN CHUNG	HST	38	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN MINH HOAI	HST	79	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
18	HY TAC SANG	HST	61,80	2	14			70	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

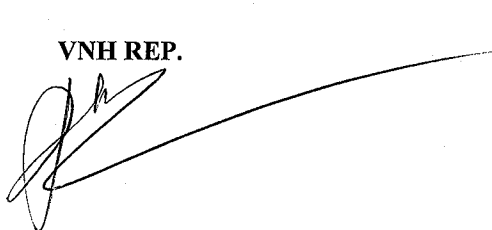
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	14	926	16	123	3	50	1		
2	P4	0	0	0	0	3	60	11		
3	HST	4	292	6	45	0	0	3		
TOTAL		18	1.218	22	168	6	110	15		
WEIGHT KG			1.218		168		110			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

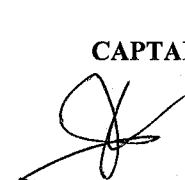
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: MTIẾN - XTRƯỜNG	ETA: 14:00
NAU			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	35	1	3	6	120	75	YTE	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	T.UNG	32	1	10			82	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	T.UNG	33	1	7			80	PVEP ITC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	27	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
5	FEDORCHENKO V. D.	T.UNG	38-39	2	9			81	KH-THAC	Russian
6	PHẠM QUANG QUÝ	T.UNG	900	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	28	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	98-99	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	31	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	34	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	96	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRỌNG HÙNG	T.UNG	30	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	29	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆN	T.UNG	36	1	8			57	PSV	Vietnamese
15	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	97	1	6			85	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN QUAN	T.UNG	37	1	6			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	16	1.127	18	104	6	120	19		
TOTAL		16	1.127	18	104	6	120	19		
WEIGHT KG			1.127		104		120			

GRAND TOAL: 1.351 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2024	TO: AMD - TGTH1 - HSD	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 13:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN HOANG	AMD	18	1	9			80	PHATECO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	AMD	82-83	2	20			68	PHATECO	Vietnamese
3	TU HUU THANH	AMD	64	1	10			66	PHATECO	Vietnamese
4	LÊ THANH PHÁT	AMD	67	1	11			65	PHATECO	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THẮNG	AMD	84	1	8			73	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	65	1	11			79	PSV	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG ĐỨC	AMD	17	1	9			56	HA VIỆT	Vietnamese
8	PHAN CÔNG TRƯỜNG	AMD	16,63	2	11			68	HA VIỆT	Vietnamese
9	TRỊNH NGỌC HÙNG	AMD	19	1	9			59	HA VIỆT	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LÊ	AMD	66	1	10			67	HA VIỆT	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LONG	TGTH1	63-64	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÀ	TGTH1	62	1	8	1	21	55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUU TAI	TGTH1	67-68	2	11			82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC CUÔNG	TGTH1	65-66	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO THỊ THANH	HSD	59	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TUẤN	HSD	57-58	2	16	1	16	62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRẠI	HSD	55-56	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	10	681	12	108	0	0	6+	5	CHUYEN 5 PAX AMD-HSD
2	TGTH1	4	271	7	48	1	21	3+	1	CHUYEN 1 PAX H1-HSD
3	HSD	3	207	5	34	1	16	3		
TOTAL		17	1.159	24	190	2	37	12		
WEIGHT KG			1.159		190		37			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P1+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		13+5+2	0+0+0	
2		TD3+TD5	9:25	3+17	0+0		0+21	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2024	TO: TD3 - P1 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HAI	TD3	97	1	9			79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	16-17	2	13			76	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO DUY CHINH	TD3	98	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3	07	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
5	BUI CONG SON	TD3	99	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ANH HUNG	TD3	04	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
7	LE HONG VUONG	TD3	3000	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM XUAN HIEU	TD3	15	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUNG	TD3	06	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN PHI HUNG	TD3	05	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
11	LE ANH XUAN	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN MẠNH	TD3	01	1	5	2	30	60	KHOAN	Vietnamese
13	NGO DUY NGOC	TD3	700	1	17			62	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ TÂN HOA	TD3	13-14	2	19			74	SCHLUMBE	Vietnamese
15	ĐINH NGỌC HUNG	TD3	14	1	8			67	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐANG BẮC THAI	TD3	10-11	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
17	LE THANH LẠC	TD3	09	1	15			56	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN ĐINH TÔI	TD3	12-13	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN THOẠI	TD3	08	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM TIẾN ĐĂNG	TD3	95-96	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LONG	TD3	94	1	19			63	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐINH QUANG SƠN	TD3	02-03	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	22	1.501	27	236	2	30	14		
2	P1	0	0	0	0	0	0	5		
3	BK16	0	0	0	0	2	35	2		
TOTAL		22	1.501	27	236	4	65	21		
WEIGHT KG			1.501		236		65			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Line VSD



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2024	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HUỆ	TD3	04	1	5	7	115	57	T-TIN	Vietnamese
2	PHAN VĂN LỆ	TD3	08,10	2	13	3	30	67	T-TIN	Vietnamese
3	HOÀNG VIỆT HÙNG	TD3	05	1	4			76	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN NHƯ Y	TD5	92	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN SỰ	TD5						81	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HIỀN	TD5	84	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	83	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ XUÂN ANH	TD5	87	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ SĨ PHỤNG	TD5	82	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	95	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	85	1	7			82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5	96-97	2	13			85	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	86	1	12			72	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN LỢI	TD5	81	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD5	89-90	2	17			70	KHOAN	Vietnamese
16	MAI HAI LONG	TD5	94	1	9			71	D-HANH	Vietnamese
17	BUI NGỌC ĐO	TD5	93	1	5			71	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	80	1	3			66	PSV	Vietnamese
19	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	TD5	94	1	6			51	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HANH	TD5	88	1	7			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	3	200	4	22	10	145	0		
2	TD5	17	1.200	18	120	0	0	21		
TOTAL		20	1.400	22	142	10	145	21		
WEIGHT KG			1.400		142		145			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN